

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/DS-ST

Ngày 30-3-2022

V/v tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản và nợ hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vũ Bằng
2. Bà Nguyễn Huỳnh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn K, sinh năm 1950.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Phước Đồng, sinh năm 1986 (có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- Bị đơn: Ông Huỳnh Vĩnh Hiễn (Vĩnh Hiễn), sinh năm 1966 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 26/3/2021, cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đại diện nguyên đơn ông Lê Phước Đồng trình bày: Ông Lê Văn K có cho ông Huỳnh Vĩnh Hiễn vay vàng, tiền nhiều lần và có tham gia chơi hui do ông H làm chủ. Cụ thể:

- Vào ngày 10/02/2014, có cho ông H vay 02 chỉ vàng 24k, lãi suất 400.000 đồng/tháng. Ngày 09/02/2016, có cho ông H vay 05 chỉ vàng 24k, lãi suất 1.000.000 đồng/tháng. Cùng ngày 09/02/2016, có cho ông H vay 20.000.000 đồng, lãi suất 2.000.000 đồng/tháng. Ngày 29/5/2016, có cho ông H vay 15.000.000 đồng, lãi suất 1.500.000 đồng/tháng. Ngày 08/6/2016, có cho ông H vay 10.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/tháng. Ngày 19/6/2016, có cho ông H vay 10.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/tháng. Ngày 06/8/2016, có cho ông H vay 10.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/tháng.

Tổng cộng ông H vay 07 chỉ vàng 24k và 65.000.000 đồng.

Cùng ngày 09/9/2014, ông H có mở 02 dây hụi loại 500.000 đồng, hụi có 26 chung, mỗi tháng khai một lần, ông K có tham gia 02 dây, 02 chung, đóng được 25 kỳ, chưa hốt, hụi còn 01 kỳ nữa miễn tính hụi chết, số tiền 25.000.000 đồng, nếu tính số tiền vốn thực đóng 365.000 đồng/1 kỳ, tính bình quân của 04 kỳ liên tiếp, số tiền của 01 chung $9.125.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ chung} = 18.250.000 \text{ đồng}$.

Cùng ngày 29/6/2015, ông H có mở 02 dây hụi, loại 500.000 đồng, hụi có 26 chung, ông K tham gia 02 dây, 02 chung, đóng được 15 kỳ, chưa hốt nếu tính hụi chết 15.000.000 đồng. Nếu tính số tiền vốn thực đóng 365.000 đồng/1 kỳ, tính bình quân của 04 kỳ liên tiếp, số tiền của 01 chung $5.475.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ chung} = 10.950.000 \text{ đồng}$.

Cùng ngày 29/6/2015, ông H có mở dây hụi loại 1.000.000 đồng, hụi có 29 chung, ông K tham gia 01 chung, đóng được 15 kỳ, chưa hốt nếu tính hụi chết 15.000.000 đồng. Nếu tính số tiền vốn thực đóng 670.000 đồng/1 kỳ, tính bình quân của 04 kỳ liên tiếp, số tiền của 01 chung 10.050.000 đồng.

Cùng ngày 29/6/2015, ông H có mở dây hụi mùa loại 5.000.000 đồng, hụi có 11 chung, một năm khai 02 lần, ông K tham gia 01 chung, đóng được 02 kỳ, chưa hốt nếu tính hụi chết 10.000.000 đồng. Số tiền vốn thực đóng 2.100.000 đồng $\times 02 \text{ kỳ} = 4.200.000 \text{ đồng}$.

Vào ngày 19/3/2016, ông H có mở 02 dây hụi loại 1.000.000 đồng, hụi có 29 chung, ông K tham gia 02 dây, 02 chung, đóng được 06 kỳ, chưa hốt nếu tính hụi chết 12.000.000 đồng. Nếu tính số tiền vốn thực đóng dây thứ nhất 620.000 đồng/1 kỳ, tính bình quân của 04 kỳ liên tiếp, số tiền của 01 chung 3.720.000 đồng. Nếu tính số tiền vốn thực đóng dây thứ hai 600.000 đồng/1 kỳ, tính bình quân của 04 kỳ liên tiếp, số tiền của 01 chung 3.600.000 đồng. Cộng 7.320.000 đồng.

Cùng ngày 19/3/2016, ông H có mở 02 dây hụi loại 1.000.000 đồng, hụi có 29 chung, ông K tham gia 02 dây, 02 chung, đóng được 06 kỳ, chưa hốt nếu tính hụi chết 12.000.000 đồng. Nếu tính số tiền vốn thực đóng của 02 chung tương tự bằng 7.320.000 đồng.

Tổng cộng $(18.250.000đ + 10.950.000đ + 10.050.000đ + 4.200.000đ + 7.320.000đ + 7.320.000đ = 58.090.000 \text{ đồng}$.

Tại đơn khởi kiện ông K yêu cầu ông H trả số tiền hụi 89.000.000 đồng. Nay ông thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ lấy lại số tiền vốn thực đóng của các dây hụi, số tiền 58.090.000 đồng.

Nay ông Lê Văn K yêu cầu ông Huỳnh Vĩnh H có trách nhiệm trả cho ông 07 chỉ vàng 24k và 123.090.000 đồng (Trong đó 65.000.000 đồng tiền vay +58.090.000 đồng tiền hụi).

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tiến hành triệu tập (niêm yết) hợp lệ nhiều lần, bị đơn ông Huỳnh Vĩnh H vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Tại phiên tòa ông Lê Phước Đồng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông H trả 07 chỉ vàng 24k và 123.090.000 đồng

Tại giấy xác nhận ngày 07/3/2022 của bà Trần Thị Út (vợ của ông Lê Văn K) xác định việc vợ chồng bà có cho ông H vay vàng, vay tiền và nợ hụi đó là tài sản chung của hai vợ chồng, bà để ông K đứng ra khởi kiện nên bà từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại giấy xác nhận ngày 07/3/2022 của anh Lê Vũ Em (là con ruột của ông K và bà Út) xác định việc cha anh có cho ông H vay vàng, vay tiền là tài sản chung của cha mẹ khi anh ở chung, anh để ông K đứng ra khởi kiện nên anh từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự trong vụ án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định. Về nội dung: Tại đơn khởi kiện ông K yêu cầu ông H trả 07 chỉ vàng 24k, 65.000.000 đồng và 89.000.000 đồng tiền nợ hụi. Tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ hụi trong 10 chung hụi của 10 dây hụi, số tiền thực đóng là 58.090.000 đồng. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 244 BLTTDS chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Đối với yêu cầu trả số vàng 07 chỉ vàng 24k và tiền vay 65.000.000 đồng. Căn cứ theo kết luận giám định số 21 ngày 13/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả 07 chỉ vàng 24k và 123.090.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền:* ông Huỳnh Vĩnh H có nơi cư trú tại ấp Kinh Hòn Bắc, xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp là hợp đồng vay tài sản và nợ tiền hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã ban hành Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và tổng đạt hợp lệ cho ông Huỳnh Vĩnh Hiền nhưng ông H đều vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự; xét xử vắng mặt ông H theo quy định. Ông H không xuất trình bất kỳ tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn là ông Huỳnh Vĩnh Hiền là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và nợ tiền hui. Nguyên đơn yêu cầu ông Huỳnh Vĩnh Hiền trả khoản vay 07 chỉ vàng 24k và 65.000.000 đồng theo các biên nhận mà ông H đã ký và yêu cầu trả số tiền nợ hui mà ông H làm chủ hui, hui chưa hốt. Như vậy tranh chấp được xác định là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và nợ tiền hui quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Theo nguyên đơn trình bày, vào khoảng năm 2014 đến năm 2016, ông Huỳnh Vĩnh Hiền (Vĩnh Hiền) có giao dịch vay vàng và vay tiền nhiều lần với ông K, mỗi lần giao dịch vay vàng và tiền điều có làm biên nhận và có thể hiện chữ ký, chữ viết của ông Huỳnh Vĩnh Hiền. Ngoài ra, ông K còn tham gia các dây hui do ông H làm chủ mở các ngày 09/9/2014, 29/6/2015 và 19/3/2016. Đến ngày 16/9/2016, ông H đã bỏ địa phương đi nơi khác đến nay không trả.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[3.1] *Đối với nợ vàng và tiền:* Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông H có trách nhiệm trả 07 chỉ vàng 24k và 65.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; trong giai đoạn xét xử nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án các biên nhận nợ ngày 10/02/2014, 09/02/2016 (02 biên nhận), 29/5/2016, 08/6/2016, 19/6/2016, và 06/8/2016 có thể hiện nội dung ông H có vay 07 chỉ

vàng 24k và vay số tiền của ông H có ký xác nhận của ông H trên biên nhận số tiền tổng cộng 65.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành xác minh ông H (Hiển) đã bỏ địa phương đi.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành Trưng cầu giám định chữ ký chữ viết của ông Huỳnh Vĩnh Hiển tại các biên nhận nợ 10/02/2014âl; 09/02/2016âl, 29/5/2016âl, 08/6/2016âl, 19/6/2016âl và 06/8/2016 trên các biên nhận nợ và các tài liệu nguyên đơn cung cấp thể hiện chữ ký, chữ viết của ông H. Kết luận biên nhận nợ trên là của ông Huỳnh Vĩnh Hiển viết ra.

Xét, giao dịch vay vàng và vay tiền giữa ông Lê Văn K với ông Huỳnh Vĩnh Hiển là có xảy ra. Mặc dù bị đơn vắng mặt nhưng căn cứ vào các biên nhận ngày 10/02/2014âl; 09/02/2016âl, 29/5/2016âl, 08/6/2016âl và 06/8/2016âl và kết luận giám định nên đây được xem là chứng cứ làm căn cứ chứng minh được quy định tại khoản 5 Điều 94 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 5 Điều 94, khoản 6 Điều 95, Điều 102 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, cũng như kết luận giám định số 21 ngày 13/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.2] Đối với nợ tiền hội:

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền 58.090.000 đồng Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Trong giai đoạn xét xử nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án các danh sách hội viên của 10 dây hội mà ông K tham gia.

Xét, các bên giao dịch hội giữa ông K với ông H (Hiển) là thực tế có xảy ra. Mặc dù bị đơn vắng mặt nhưng qua xác minh các lời khai của người làm chứng như bà Đặng Thị Gấm, bà Nguyễn Thị Sơn, bà Đặng Thị Lê, ông Nguyễn Văn Kiệt, ông Trần Thanh Nguyên, bà Huỳnh Thị Hiển và bà Đặng Kiều Tiên có biết ông K tham gia chơi hội do ông H làm chủ. Căn cứ vào các danh sách hội viên, xác nhận của những người làm chứng nên đây được xem là chứng cứ làm căn cứ chứng minh được quy định tại khoản 4 Điều 94 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 94 và của Bộ luật Tố tụng dân sự, khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí giám định: Tại khoản 1 Điều 161 và khoản 1 Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Đương sự phải chịu chi phí giám định nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận. Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu chi phí giám định; đã có dự nộp số tiền 3.400.000 đồng và đã thực hiện xong. Do việc giám định cùng với vụ án của ông

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên xử:

Vàng 24k, tại thời điểm xét xử có giá trên thị trường 5.470.000 đồng/chỉ

3. Về án phí: Ông Huỳnh Vĩnh H phải nộp số tiền 8.069.000 đồng (*Tám triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng*); Ông Lê Văn K được miễn toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

4. Án xử sơ thẩm công khai: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công